

STT	Mã SV			Ngày sinh	GT	Tiếng Anh	Chương trình đào tạo
49	17001002	NGUYỄN VIỆT	ANH	05/10/1999		8,4	Chuẩn QT Vật lý học
11	17001353	TRẦN THỊ PHƯƠNG	ANH	26/01/1996	Nữ	6,0	Chuẩn QT Vật lý học
23	17000461	ĐỖ XUÂN	BÁCH	08/08/1989		7,0	Chuẩn QT Vật lý học
25	17001262	NGUYỄN THỊ	BÁY	02/03/1999	Nữ	7,0	Tiến tiến KH môi trường
55	17000450	NGUYỄN QUỲNH	CHI	15/11/1999	Nữ	9,0	Tiến tiến Hóa học
6	17001036	NGUYỄN THỊ MAI	CHI	05/07/1999	Nữ	5,4	Tiến tiến Hóa học
56	17000184	TRƯƠNG QUỲNH	CHI	24/02/1999	Nữ	9,0	Chuẩn QT Sinh học
18	17000395	NGUYỄN TRƯỜNG	ĐÔNG	18/07/1999		6,4	Tiến tiến Hóa học
33	17000764	TRẦN ĐÌNH	ĐỨC	07/09/1999		7,4	Tiến tiến Hóa học
7	17000825	ĐÀO THỊ LÊ	DUNG	06/09/1999	Nữ	5,6	Tiến tiến Hóa học
39	17000591	BÙI QUANG	DUY	17/05/1999		7,8	Tiến tiến Hóa học
3	17001371	NGÔ THỊ	HÀNG	18/08/1999	Nữ	5,0	Tiến tiến Hóa học
28	17000670	ĐỖ THỊ MINH	HÀNH	16/11/1999	Nữ		Chuẩn QT Sinh học
27	17000113	VŨ THỊ MỸ	HÀNH	16/06/1999	Nữ	7,0	Tiến tiến Hóa học
43	17000421	LÊ THỊ XUÂN	HOA	12/02/1999	Nữ	8,0	Tiến tiến KH môi trường
53	17001299	BÙI THU	HUÔNG	11/10/1999	Nữ	8,8	Chuẩn QT Sinh học
51	17001707	NGUYỄN THANH	HUÔNG	27/02/1999	Nữ	8,6	Tiến tiến KH môi trường
32	17000548	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	HUYỀN	19/04/1999	Nữ	7,4	Chuẩn QT Vật lý học
10	17001768	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	02/02/1999	Nữ	5,8	Tiến tiến Hóa học
36	17001307	NGUYỄN VIỆT	KHOA	29/07/1999		7,6	Tiến tiến Hóa học
19	17000035	TRẦN THỊ	LAN	29/05/1999	Nữ	6,4	Chuẩn QT Sinh học
45	17000460	NGUYỄN ĐIỀU	LINH	12/03/1997	Nữ	8,2	Tiến tiến Hóa học
1	17000443	NINH TIẾN	LINH	25/02/1999		4,6	Tiến tiến KH môi trường
34	17000085	ĐẶNG THU	LOAN	15/03/1999	Nữ	7,6	Tiến tiến Hóa học
2	17000544	LÊ NGỌC	LONG	23/07/1999		4,8	Tiến tiến Hóa học
4	17000594	NGUYỄN THỊ LAN	LUYẾN	09/12/1999	Nữ	5,2	Tiến tiến Hóa học
9	17000181	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	13/01/1999	Nữ	5,6	Chuẩn QT Sinh học
52	17001725	VŨ QUỲNH	MAI	07/12/1999	Nữ	8,6	Chuẩn QT Sinh học
47	17000531	ĐÌNH THU	MINH	04/05/1999	Nữ	8,4	Chuẩn QT Sinh học
42	17001398	HUYỀN THỊ THÚY	NGA	09/08/1999	Nữ	8,0	Tiến tiến Hóa học
35	17001589	LŨU THỊ THÚY	NGÂN	29/07/1998	Nữ	7,6	Chuẩn QT Sinh học
26	17001511	NGUYỄN THỊ THANH	NGỌC	04/10/1999	Nữ	7,0	Tiến tiến Hóa học
21	17000634	TẠ ÁNH	NGỌC	24/01/1999	Nữ	6,8	Tiến tiến Hóa học
13	17000490	LÊ ÁNH	NGUYỆT	27/09/1999	Nữ	6,2	Chuẩn QT Sinh học
24	17000260	NGUYỄN HÀ	NHUNG	24/05/1999	Nữ	7,0	Chuẩn QT Sinh học
16	17000214	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	20/01/1999	Nữ	6,4	Tiến tiến Hóa học
37	17000161	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	18/12/1999	Nữ	7,6	Tiến tiến Hóa học
12	17000342	ĐÌNH NGỌC HOÀNG	QUÁN	03/07/1999		6,2	Chuẩn QT Vật lý học
58	17001535	NGUYỄN ĐÌNH	QUẢN	14/05/1999		9,4	Tiến tiến Hóa học
17	17000643	NGUYỄN TRUNG	SƠN	03/11/1999		6,4	Tiến tiến Hóa học
15	17001258	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	07/11/1999	Nữ	6,4	Chuẩn QT Sinh học
44	17000946	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	30/11/1999	Nữ	8,0	Chuẩn QT Sinh học
48	17000316	NGUYỄN THỊ	THOM	29/04/1999	Nữ	8,4	Tiến tiến KH môi trường
57	17000550	ĐỖ THỊ PHONG	THU	11/08/1999	Nữ	9,4	Tiến tiến Hóa học
8	17000186	ĐỖ THỊ	THUY	19/01/1999	Nữ	5,6	Tiến tiến Hóa học
31	17000662	NGUYỄN TRẦN THU	TRÁ	05/07/1999	Nữ	9,0	Chuẩn QT Sinh học
50	17000495	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	04/07/1999	Nữ	8,6	Chuẩn QT Sinh học
30	17001071	ĐOÀN THỊ THU	TRANG	28/03/1999	Nữ	8,0	Tiến tiến Hóa học
14	17001240	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	12/03/1999	Nữ	6,2	Chuẩn QT Sinh học
5	17001073	PHẠM THỊ THANH	TRANG	11/08/1999	Nữ	5,2	Tiến tiến Hóa học
29	17000734	TRƯƠNG THỊ THÙY	TRANG	10/10/1999	Nữ		Tiến tiến Hóa học
59	17001249	TRẦN VIỆT	TÙNG	26/08/1999		10,0	Tiến tiến KH môi trường
40	17000754	BÙI THỊ THU	UYỀN	01/12/1999	Nữ	7,8	Chuẩn QT Sinh học
41	17001677	ĐÀO GIA	UYÊN	24/02/1999	Nữ	7,8	Tiến tiến KH môi trường
38	17001587	PHẠM THỊ THU	UYÊN	01/08/1999	Nữ	7,6	Chuẩn QT Sinh học
22	17001811	VŨ THỊ MỸ	UYÊN	12/09/1999	Nữ	6,8	Tiến tiến KH môi trường
20	17000191	NGUYỄN THỊ	XOAN	22/05/1999	Nữ	6,8	Tiến tiến Hóa học
54	17001806	NGUYỄN MÙA	XUÂN	06/03/1999	Nữ	8,8	Tiến tiến Hóa học
46	17000598	NGUYỄN THỊ HỒNG	YÊN	07/02/1999	Nữ	8,2	Tiến tiến Hóa học